

## QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CỦA DU KÝ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

NGUYỄN HỮU LỄ

*Trong lịch sử văn học dân tộc, du ký không phát triển liên tục nhưng thường xuất hiện vào những thời điểm quan trọng của lịch sử. Chính sự phát triển đó đã làm nên đặc trưng thể loại và đưa du ký phát triển mạnh vào các giai đoạn sau này. Trải qua các thời kỳ phát triển, du ký Việt Nam đã có sự vận động trên nhiều phương diện khác nhau, trong đó sự hình thành thể loại là một trong các yếu tố cơ bản để xác định vị trí của du ký trong lịch sử văn học dân tộc.*

### 1. DU KÝ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

#### 1.1. Thời kỳ trung đại

*Từ thế kỷ X-XVII*

Du ký đã xuất hiện đầu tiên trong văn học thời Lý-Trần, nhưng lúc đó nó không tồn tại như một thể loại độc lập mà phải ẩn danh trong các thể loại khác như thơ, phú nên nhiều người đã định danh là thể tài du ký. Biểu hiện ban đầu của du ký Việt Nam là những cảm xúc của các nhà thơ khi di chuyển với mục đích công vụ hoặc chơi núi, chơi chùa, chơi sông, thăm làng mạc, nó chưa phải là câu chuyện về những cuộc hành trình đến những nơi mới lạ mà chủ thể thực hiện như là một cuộc trải nghiệm. Trong giai đoạn này, thể tài du ký tập trung ở hai dạng thức của “sự du” là du cảnh và du sự.

Thơ nói về du ngoạn cảnh vật chủ yếu là chuyện đi chơi cảnh núi, đi

thuyền trên sông và đi viếng thắng tích, chùa chiền. Một số bài thơ điển hình cho đề tài này: *Du Phật Tích sơn ngẫu đề* (Đi chơi núi Phật Tích ngẫu nhiên đề thơ), *Đăng Thiên Kỳ sơn lưu đề* (Lên núi Thiên Kỳ đề thơ lưu niệm), *Sơn hành* (đi chơi núi) của Phạm Sư Mạnh; *Du Phật Tích sơn đối giang ngẫu tác* (Chơi núi Phật Tích đối diện dòng sông ngẫu nhiên làm thơ), *Du Côn Sơn* (Chơi núi Côn Sơn), *Thanh Hư động ký* (Bài ký động Thanh Hư) của Nguyễn Phi Khanh, *Xuân nhật du sơn tự* (Ngày xuân đi chơi chùa trên núi) của Trần Công Cẩn, *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính* (Đêm trăng dạo bước trên đường thông núi Tiên Du) của Chu Văn An... Cảm hứng trong thơ “du sơn” này khác với đề tài “đăng sơn” trong thơ trung đại. Bài thơ du ký thường phải có các nội dung: cuộc hành trình đến một địa danh có thực, cảnh vật trong bài thơ có thực, cảm xúc cảnh vật nhiều hơn tâm sự... Đó là những điều khác biệt với thơ viết về đề tài “đăng sơn”.

Thơ về “du sự” không nhiều như thơ về “du cảnh”. Trong giai đoạn này thơ “du sự” thường được viết trong các dịp đi sứ và công cán của các quan lại phong kiến. Khác với đề tài “tức sự” trong thơ Đường luật, cảm hứng của “sự đi” trong “du sự” thiên về cảm nhận sự vật trên đường, ít suy tưởng về sự việc. Thơ “du sự” về việc đi sứ thường mang yếu tố lịch sử như *Vương lang qui* (Chàng trở về) của Ngô Chân Lưu (tức Khuông Việt; 933 - 1011), *Quá Tống đô* (Qua kinh đô nhà Tống) của Trương Hán Siêu (? - 1354). Ngay cả trường hợp “du sự” kết hợp với “du sơn” như bài *Hành dịch đặng gia sơn* (Nhân việc quan lên chơi núi quê nhà) của Phạm Sư Mạnh (?-?), cũng bị chi phối bởi cảm hứng lịch sử.

Do đặc điểm thể loại của phú cũng thích hợp với sự bộc lộ cảm xúc, cảm nghĩ của “du nhân” trước vạn vật và cuộc đời, nên thời kỳ này cũng có một số bài phú viết về “sự du”: *Vịnh Vân Yên tự phú* (Bài phú vịnh chùa Vân Yên) của Huyền Quang thiền sư (1254 - 1334), *Dục Thúy sơn Linh Tế tháp ký* (bài ký tháp Linh Tế núi Dục Thúy) của Trương Hán Siêu (?- 1354), *Tịch cư ninh thể phú* và *Đại Đồng phong cảnh phú* của Nguyễn Hãng (?-?)...

Mặc dù thời gian này cũng xuất hiện một tác phẩm truyện mang yếu tố du ký<sup>(1)</sup>, nhưng hầu hết tác phẩm du ký tồn tại dưới hình thức thơ phú do thơ và văn vần vẫn thống lĩnh trong văn học. Trong một chừng mực nhất định, người xưa vẫn thừa nhận sự tồn tại

của thể giới vượt ra ngoài những qui ước của đạo đức và chuẩn mực nghệ thuật của thời đại. Đó là thể giới tự nhiên mà con người khao khát được gần gũi. Hơn nữa, “sự du” là nhu cầu của nghệ thuật có liên hệ với khát vọng xê dịch đi tìm cái đẹp của con người và nhận thức thế giới, nhận thức chính mình. Vì thế, địa điểm (những nơi non xanh nước biếc, nơi danh lam thắng tích, những nơi yếu kỳ) và cách đi (đi bộ, đi thuyền, ngựa hay xe) đều trở thành cảm hứng nghệ thuật.

### *Trong những thế kỷ XVIII-XIX*

Từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX là giai đoạn phát triển của văn xuôi chữ Hán và cũng là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ của du ký. Bên cạnh du ký viết bằng thơ<sup>(2)</sup>, còn có nhiều tác phẩm du ký viết bằng văn xuôi, tạo thành đặc điểm nổi bật của văn xuôi chữ Hán trong giai đoạn cuối thế kỷ XVIII-XIX. Du ký giai đoạn này đã bắt đầu hình thành thể loại (Nguyễn Hữu Lễ, 2014, tr. 159-176). *Sứ Hoa nhân vịnh* là tập du ký bằng thơ kết hợp văn xuôi thuật chuyện hành trình đi sứ của Trịnh Xuân Thụ (1704 -?) được xem như là sự khởi đầu cho một hình thức thể loại mới của du ký chữ Hán. Sau *Sứ Hoa nhân vịnh* của Trịnh Xuân Thụ là *Thượng kinh ký sự* (1783) của Lê Hữu Trác (1720 - 1791) đã đưa du ký viết bằng chữ Hán tiến thêm một bước mới. Sau chuyến đi lên kinh thành chữa bệnh cho Chúa, Lê Hữu Trác đã chuyển nhật ký hành trình (văn ký hành) của mình thành tác phẩm tự sự trong đó kết hợp, đan xen

giữa văn tường thuật và thơ du ký, giữa kể và tả, giữa *tự truyện* và *trữ tình*, giữa khách quan và chủ quan... tạo nên kiểu văn du ký mẫu mực trong văn học trung đại Việt Nam.

Tiếp nối cảm hứng “ký sự” về những chuyến đi sứ, trong giai đoạn này, đã xuất hiện một số tác phẩm viết về các chuyến công du sang các nước phương Tây và Đông Nam Á, như: *Tây hành kiến văn ký lược* (1831) của Lý Văn Phức (1785 - 1849), *Hải trình chí lược* (1834) của Phan Huy Chú (1782 - 1840), các tác phẩm của phái đoàn đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha năm 1863: *Như Tây sứ trình nhật ký* (1864) của Phạm Phú Thứ (1820-1882), *Như Tây ký* (1864) của Nguyễn Khắc Đản (1817 - 1873), *Tây phù nhật ký* (1865) của Tôn Thọ Tường (1825 - 1877)...

Nếu *Tây hành kiến văn ký lược* của Lý Văn Phức thiên về ghi chép khách quan những điều mắt thấy tai nghe, thì *Hải trình chí lược* của Phan Huy Chú không chỉ là những “thông liệu” mà đã được “khách quan hóa” theo kiểu văn ký hành, như Liam C. Kelley (1998, Tract 5, Vol 2, No 1) nhận xét: “Họ khách quan ghi lại các sự kiện của chuyến đi của họ, sau đó chủ quan nhận xét về kinh nghiệm của họ trong câu”. Còn *Như Tây sứ trình nhật ký* của Phạm Phú Thứ vừa được xem là tập tài liệu có giá trị lịch sử, vừa là: “tập du ký đầu tiên của người Việt viết về sinh hoạt của một số nước phương Tây” (Lê Nguyễn, 2012). *Như Tây sứ trình nhật ký* sau này được Phạm Phú Thứ in ra thành ba quyển (thượng,

trung, hạ) đặt tên là *Tây hành nhật ký*, với mục đích dâng lên vua để thuyết phục triều đình mạnh dạn mở cửa phát triển kinh tế theo Tây phương (Quang Uyển, 1997, tr. 28).

Nhìn chung, du ký viết bằng chữ Hán ở Việt Nam trong giai đoạn thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX chịu ảnh hưởng của hai yếu tố: những tác động của bối cảnh thế giới đến xã hội Việt Nam và ảnh hưởng vẫn còn đậm nét của văn hóa, văn học Trung Hoa. Điều kiện lịch sử-xã hội lúc bấy giờ đã tạo cơ hội cho một số quan lại, trí thức có những chuyến ra nước ngoài, đến các nước phương Tây, thúc đẩy sự phát triển của du ký. Tuy nhiên, môi trường văn hóa, văn học Việt Nam lúc này vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Hoa nên du ký chủ yếu vẫn theo thi pháp Hán văn. Về hình thức thể loại, các tác phẩm du ký Việt Nam có nhiều điểm giống với du ký Trung Quốc truyền thống, “một biến thể đặc biệt của văn bản trong văn học Trung Quốc ở chỗ nó kết hợp cả hai: bài thơ và câu chuyện” (Richard E. Strassberg, *Inscribed Landscapes*, 1994, tr. 12).

Bên cạnh các tác phẩm chữ Hán, giai đoạn này đã xuất hiện một số tác phẩm du ký viết bằng chữ Nôm, như: *Tây phù nhật ký* của Tôn Thọ Tường (1825 - 1877), *Như Tây ký* (1864) của Nguyễn Khắc Đản (1817 - 1873), *Hương Sơn hành trình* của Chu Mạnh Trinh (1862 - 1905)... Tính chất “sử ký” trong những tác phẩm du ký viết bằng chữ Nôm không còn quan trọng mà thay vào đó là cảm quan, cảm xúc của tác giả về sự kiện và cảnh vật trên các lộ

trình. Chẳng hạn: Ngụy Khắc Đản dựa vào lời kể của A-tô-măng (Atomant) một sĩ quan Hải quân Pháp thạo tiếng Việt có nhiệm vụ hộ tống sứ bộ trong thời gian ở Pháp, cùng với sự quan sát trực tiếp của chính bản thân tác giả để viết nên tác phẩm *Như Tây ký*. Với một thái độ làm việc nghiêm túc và khoa học, Ngụy Khắc Đản đã trình bày khá đầy đủ, chính xác về văn hóa, chính trị, kinh tế của những nước mà ông đã đặt chân.

Ngoài những tác phẩm viết về những chuyến đi dài ngày theo kiểu “trường thiên”, trong giai đoạn này còn có những tác phẩm văn xuôi ngắn viết về những cuộc du ngoạn nơi danh lam, thắng cảnh ở trong nước, như: *Tam Kiều nguyệt dạ du ký* (1805) của Ngô Thị Hoàng (?-?), *Du Phật Tích sơn ký* (1796) của Phạm Đình Hổ (1768 - 1839), *Tam Ngô du ký* của Nguyễn Văn Siêu (1799 - 1872)... Những bài du ký ngắn này thường nói về rung cảm của tác giả trước vẻ đẹp của cảnh vật, sự việc, nên dễ nhầm lẫn với tản văn. Tuy nhiên nó khác với bài tản văn ở chỗ viết chính xác thời gian, địa điểm, nhân vật, sự kiện... trong tác phẩm.

Giai đoạn này cũng đã xuất hiện du ký viết bằng chữ Quốc ngữ, như các tác phẩm: *Sách sổ sang chép các việc* (1822) của Philipphê Bình (1759 - 1832), *Chư quốc thại hội* (1889) của Trương Minh Ký (1855 - 1900), *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (1886) của Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898)...

*Sách sổ sang chép các việc* là cuốn sách có hình thức sơ khai của tác

phẩm du ký viết bằng chữ Quốc ngữ. Sách không phải văn ký hành, không kể chuyện hành trình mà ghi chép rất nhiều về tôn giáo và chuyện đời (chỉ trong *Đoạn thứ hai* tác giả có thuật những chuyện mắt thấy tai nghe của mình và đồng sự trong chuyến đi đến các nước phương Tây). Phải đến *Chư quốc thại hội* của Trương Minh Ký, một tác phẩm thơ viết bằng chữ Quốc ngữ, thì các đặc điểm của một tác phẩm du ký mới được thể hiện đầy đủ. Trương Minh Ký viết tác phẩm này năm 1889, khi ông được cử làm thông ngôn cho phái đoàn triều đình Huế đi sứ sang Pháp tham dự Hội Đầu xảo tại Paris. Ông đã chọn hình thức “cảm tác hành trình” bằng thơ để thể hiện những trải nghiệm của mình. Tác phẩm này được đăng nhiều kỳ trên *Gia Định báo* từ tháng 5 – 11/1890 (nhan đề không thống nhất: có số báo ghi là *Như Tây nhật trình*, có số báo ghi là *Chư quốc thại hội*). Chuyện đi Tây đã được ông kể lại một cách “dân dã” bằng thể thơ nên đã thoát khỏi hình thức “sứ trình”, thể hiện thái độ, cảm xúc của tác giả về xã hội phương Tây và suy ngẫm về hiện thực cuộc sống ở đất nước của mình.

Nổi bật nhất trong số những tác phẩm du ký viết bằng chữ Quốc ngữ thế kỷ XIX là ghi chép *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (Voyage au Tonkin en 1876) của Trương Vĩnh Ký, in lần đầu vào năm 1881 tại nhà hàng Guillaud et Martinon. Tác phẩm có ý nghĩa chuyển tiếp từ du ký truyền thống Việt Nam sang du ký của thời đại. Tuy vẫn mang một số đặc điểm của du ký chữ

Hán như cách biên khảo địa chí, kết hợp kể chuyện và ứng tác thơ, nhưng *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* được tổ chức theo kết cấu hành trình, hướng cảm hứng đến địa danh và thắng tích, thể hiện sự quan sát tinh tế... Với tác phẩm này, có thể nói Trương Vĩnh Ký đã đặt nền móng cho du ký Việt Nam bước sang thời kỳ hiện đại trong nửa đầu thế kỷ XX.

### 1.2. Thời kỳ hiện đại

Nửa đầu thế kỷ XX, sau vài thập niên ngưng nghỉ, du ký bắt đầu trở lại. Sự bùng phát này liên quan đến các vấn đề lịch sử, xã hội, sự phát triển của văn học Quốc ngữ và những tác động của báo chí.

Vốn có truyền thống trong văn học dân tộc, đồng thời chịu ảnh hưởng của du ký bên ngoài, cùng với sự thuận lợi về giao thông và phương tiện đi lại... thể loại du ký thời gian này đã có một sự phát triển chưa từng thấy trong lịch sử văn học nước nhà. Đồng hành cùng với báo chí, du ký xuất hiện trên nhiều tạp chí, như *Đông Dương, Nam Phong, Tri Tân, Thanh Nghị, Loa, Nam Kỳ tuần báo*... góp phần thúc đẩy văn học Việt Nam chuyển biến theo hướng hiện đại.

Mở đầu cho du ký Việt Nam hiện đại là tác phẩm *Hương Sơn hành trình* của Nguyễn Văn Vĩnh, được viết bằng tiếng Pháp và dịch sang tiếng Việt trên *Đông Dương tạp chí* ở các số 41 (26/2/1914), số 42 (5/3/1914), số 43 (12/3/1914), số 44 (19/3/1944), số 45 (26/3/1944). Với lối thuật chuyện linh hoạt, *Hương Sơn hành trình* được

đánh giá là “xưa nay chưa có bài thăm Hương Sơn nào viết hay như thế” (Nguyễn Thành, 1999).

Sau khi tạp chí *Nam Phong* ra đời, du ký nở rộ với nhiều tác phẩm, tác giả và các phong cách khác nhau. Trong 17 năm tồn tại (7/1917 – 12/1934), *Nam Phong* đã có hơn 120 bài/210 số tạp chí có đăng tác phẩm du ký. Có những số đăng từ 2 đến 3 bài du ký, như ở các số: 23, 28, 48, 57, 63, 66, 68, 69, 77, 80, 83, 85, 90, 91, 93, 94, 100, 102, 108, 109, 157, 163.

Các tác phẩm du ký trên *Nam Phong* khá phong phú. Có những thiên du ký đăng thành nhiều kỳ, thuật chuyện du lịch đến nhiều nơi trên thế giới trong thời gian khá dài, như: *Pháp du hành trình nhật ký, Một tháng ở Nam Kỳ* của Phạm Quỳnh, *Hạn mạn du ký* của Nguyễn Bá Trắc, *Sự du lịch đất Hải Ninh* của Trần Trọng Kim... Nhưng phổ biến hơn cả là những bài du ký ngắn, viết trong các dịp thăm cảnh quan, thắng tích, chứa đựng nhiều xúc cảm và suy tư của tác giả trước cảnh đẹp và lịch sử nước nhà.

Một số tạp chí khác ở Nam Bộ cũng đăng du ký, như *Phụ nữ Tân văn, An Nam*... Thiên du ký *Sang Tây – Mười tháng ở Pháp* của Phạm Vân Anh (bút danh của Đào Trinh Nhất) kể về chuyến đi 10 tháng sang Pháp của một thiếu nữ với những cảm nhận về đất nước, con người, cuộc sống, văn hóa ở nước Pháp, được đăng từ số đầu tiên của tờ *Phụ nữ Tân văn* (5/1929) đến tháng 3/1931 (do bị gián đoạn ở nhiều số). Một tác phẩm khác

*Đáp tàu Andre Lebon* viết về chuyến đi nước ngoài của Cao Văn Chánh được đăng trên *Phụ nữ Tân văn* (số 3, ngày 22/7/1929). Báo *An Nam* đăng hai bài du ký của Tản Đà: *Một sự đi chơi Laokay* (số 25, 1932), *Mấy bước đường rừng* (số 32, 1932)...

Mặc dù không nhằm quảng bá du lịch nhưng du ký trên *Nam Phong* như là một cuộc tổng điều tra về vẻ đẹp non nước. Trong bài *Cùng các phái viên Nam Kỳ*, Phạm Quỳnh có viết: “Thiệt không ngờ giang sơn nước Nam cấm tú như vậy. Là bởi xưa nay chưa đi khắp nên chưa biết, chưa biết bờ cõi nước ta to rộng, nhân dân nước ta đông đảo là dường nào” (*Nam Phong*, số 32, tr. 156). Hầu hết các bài viết đều có tựa là những cái tên của các địa danh, thắng tích, di tích lịch sử của đất nước: hồ Ba Bể, núi Ngự Bình, núi Bà Nà, núi Phật Tích, núi Dục Thúy, núi Ngũ Hành Sơn, sông Hương, sông Nhuệ, vịnh Hạ Long, Chùa Thầy, Chùa Hương... hay những thắng cảnh nổi tiếng ở Phú Quốc, Hà Tiên, Lạng Sơn, Cao Bằng... những di tích văn hóa và lịch sử ở Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương, Tuyên Quang, Huế, Quảng Xương, Quảng Yên... và cả những địa danh ít người biết đến như núi Sài Sơn, làng Thượng Cát, làng Hữu Thanh Oai, Tây Đô, Thất Khê, Tử Trầm Sơn, Ngọc Tân... Những trang du ký đã làm cho người đọc hiểu thêm, yêu thêm đất nước mình.

Trong thời kỳ này du ký cũng mở rộng không gian sáng tác ra nhiều nước trên thế giới. Ngoài những bài du ký “đi Tây” của Phạm Quỳnh, Phạm Văn

Anh, Cao Văn Chánh còn có nhiều bài du ký “đi Đông”, như: Trung Quốc (*Nam Tống du đàm* của Trần Thuyết Minh); Thái Lan, Nhật Bản, Hương Cảng, Thượng Hải, Tứ Xuyên (*Hạn Mạn du ký* của Nguyễn Bá Trác); Lào (*Ai-lao hành trình* của Trần Quang Huyền, *Du lịch xứ Lào* của Phạm Quỳnh); Ai-cập (*Câu chuyện đi chơi nước Ai-cập* của Tân Đình)...

Từ năm 1933, tác phẩm du ký đăng trên *Nam Phong* thưa dần. Khi *Nam Phong* ngừng bản, du ký tiếp tục xuất hiện trên các tạp chí và báo khác, như *Loa*, *Thanh Nghị*, *Nam Kỳ*, *Phong Hóa*, *Tao Đàn*, nhiều nhất là trên tờ *Tri Tân*. Các tác phẩm du ký trên *Tri Tân* không phong phú như *Nam Phong*, chủ yếu là du ký văn hóa (ghi lại hành trình về thăm các địa danh, di tích văn hóa, lịch sử). Những tác phẩm du ký này thường mang ý nghĩa “về nguồn”, như: *Dâng hương đền Kiếp* của Hoa Bằng và Cách Chi, *Đền Kiếp Bạc* của Nguyễn Duy Trinh, *Dâng hương Miếu Hát* của Hoa Bằng, *Thăm cảnh Hoa Lư* của Phái Sinh... hoặc khảo cứu văn hóa dân tộc, như *Am Tiên* của Hoàng Minh, *Ban Mê Thuật* và *Hai tháng ở gò Óc-eo* của Biệt Lam Trần Huy Tá, *Bốn năm trên đảo Cát Bà* của Vân Đài, *Indrapura - Đồng Dương*, *Thiên Y A Na* của Mãn Khánh Dương Kỳ, *Một buổi đi thăm làng Dừa* của Thi Nham.

Đề tài dân tộc thiểu số và những vùng đất lạ lẫm của đất nước là một đề tài nổi bật của du ký Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX... (Nguyễn Hữu Lễ, 2015, tr. 104-115). Trong quá trình khám phá

những vùng đất này, các nhà văn đã thực hiện những cuộc khảo cứu văn hóa và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng hẻo lánh, mang đến sự mới lạ cho độc giả.

Ngoài ra, du ký giai đoạn này còn có những bài mang tính quảng bá du lịch, như *Từ Hà Nội đến Hồ Ba Bể* (Nhật Nham), *Từ Hà Nội đến Toulouse* (Phạm Huy Thông), *Từ Hà Nội đến Viên* (Vũ Nhật)... Nhưng số lượng tác phẩm loại này không nhiều.

Khác với các giai đoạn trước, trong giai đoạn này thể loại du ký không chỉ bao gồm các tác phẩm của các tác giả trong nước, mà còn có nhiều tác phẩm dịch của tác giả trong nước và nước ngoài (dịch từ chữ Hán, hoặc tiếng nước ngoài khác ra chữ Quốc ngữ). Tác phẩm du ký chữ Hán trong nước dịch ra chữ Quốc ngữ có *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác, do Nguyễn Trọng Thuật dịch đăng trên *Nam Phong tạp chí* ở các số 77, 78, 79, 80, 82, 83, 85 (1923 - 1924), nhan đề là *Một tập du ký của cụ Lân Ông*. Đây là bản dịch đầy đủ nhất tác phẩm của Lê Hữu Trác; trong đó các bài thơ chữ Hán được ghi rõ cả văn bản gốc, dịch nghĩa và dịch thơ. Cùng với *Thượng kinh ký sự*, tác phẩm *Sứ Hoa nhân vịnh* của Trịnh Xuân Thụ, cũng được Lương Ngọc Vũ Bích sưu tầm và dịch thuật, đăng trên *Nam Phong tạp chí* các số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56 năm 1921.

Tác phẩm du ký của Trung Quốc dịch ra chữ Quốc ngữ có *Nam du ký* của Tôn Gia Đồ (tự là Tích Công, một văn

nhân đầu đời Thanh) do Nguyễn Đôn Phục dịch đăng trên *Nam Phong* các số 66, 68, 69, với nhan đề là *Du lịch về phía Nam nước Tàu*.

Hoàng Châu đã dịch một phần của cuốn sách *Đại Đường Tây vực ký* ra chữ Quốc ngữ đăng trên *Nam Phong* số 142, 143 năm 1929 có nhan đề là *Truyện ký một bậc cao tăng nước Tàu*.

Một số tác phẩm du ký của các tác giả phương Tây cũng được dịch ra trong giai đoạn này. Ví dụ cuốn *Triết nhân và thi nhân Á châu* (Sages et poètes d'Asie, Calmann-Lévy) của Paul Loris Couchoud (1879 - 1959) được Phạm Quỳnh dịch một đoạn lấy tên là *Thăm miếu ông Khổng* đăng trên *Nam Phong tạp chí* số 83 năm 1924. Tác phẩm *North China Daily News* "của một nhà phóng sự Anh đăng trên nhật báo nước Anh ở Thượng Hải" được Hồng Nhân dịch đăng trên *Nam Phong* số 107, 108 năm 1926 lấy tên là *Thăm Hương Cảng và Quảng Đông*.

Một tác phẩm giới thiệu về du lịch Nhật Bản là *Au Japon choses vues* (Những điều nhìn thấy ở Nhật Bản) của Clive Holland được Trọng Toàn dịch đăng trên *Nam Phong* số 155 năm 1930 có tên *Cảnh vật Nhật Bản*.

Tác phẩm *Voyage en Hollande* (Hành trình đến Hà Lan) của nhà báo Pháp Lours Lucien Hubert với đoạn giới thiệu đầu tác phẩm: *Tập du ký này là biên chép những cảm tưởng trong khi du lịch nước Hà-lan* (Hollande), được Hồng Xuân dịch đăng trên *Nam Phong* số 147 năm 1930 lấy tên là *Hòa Lan du ký*.

Cuốn *Thám hiểm dưới đáy đại dương* nổi tiếng của J.E. Williamson được dịch một đoạn trên tạp chí *Ngày Nay* có tên là *Cuộc thám hiểm dưới đáy bể về miền nhiệt đới* (không rõ tên người dịch).

Thời kỳ này, hoạt động nghiên cứu và phê bình văn học du ký đã bắt đầu mạnh mẽ với một số tác phẩm được giới thiệu hay bàn bạc. Chẳng hạn: Tập du ký của Trần Huyền Trang đã được các học giả Trung Quốc nghiên cứu và biên soạn thành sách chuyên khảo về du ký trong đó có bộ du ký *Đại Đường Tây vực ký* gồm 12 tập. Ngô Đức Kế đã đọc tác phẩm này và giới thiệu trong cuốn *Đông Tây vĩ nhân* lúc đầu có tên là *Thiếu niên từng thư*.

Trên *Nam Phong* (số 158, tr. 64) có bài *Một mình giữa bể Đại Tây* của Hồng Nhân bàn về tác phẩm *Seul à travers l'Atlantique* của Alain Gerbault. Lúc này, ở Việt Nam chưa có du ký mạo hiểm, nên khi giới thiệu cuốn sách này, Hồng Nhân viết: “Cuộc đi chơi đó là một cuộc kỳ, mà mạo hiểm biết bao nhiêu! Trong thế giới ai cũng lấy làm cảm phục. Nay khách hàng hải lý kỳ đó lại xuất bản một tập ký sự về cuộc phiêu du đó, lại cũng là một áng văn chương lý kỳ nữa. Cuộc hành trình trải qua những thử thách hiểm nguy thì được gọi là cuộc phiêu lưu kỳ dị và du ký thuật lại nó thì được gọi là “ký sự phiêu du”, mà nhà thi sĩ cưỡi chiếc thuyền thơ để đi tìm cõi Tiên đảo với mục đích của chuyến du hành là để quyết biệt cái thế giới mà sự hành động và sự mộng tưởng không đề huề nhau”.

Cùng với sự phong phú về đề tài và cảm hứng, du ký giai đoạn này cũng đa dạng về hình thức, xuất hiện những cây bút tiêu biểu cho các phong cách du ký khác nhau. Nếu Nguyễn Đôn Phục tiêu biểu cho phong cách truyền thống, thì Phạm Quỳnh tiêu biểu cho phong cách hiện đại, và Mãn Khánh Dương Kỳ tiêu biểu cho phong cách huyền thoại hóa.

Sự phát triển thể loại của du ký nửa đầu thế kỷ XX trong bối cảnh hiện đại hóa văn học đã làm cho du ký có sự ảnh hưởng qua lại với các thể loại khác, nhất là đối với truyện vừa và tiểu thuyết. Những tác phẩm như *Đi Tây* của Nhất Linh, *Một chuyến đi* của Nguyễn Tuân, *Một buổi sáng đêm* của Lan Khai... đều nằm trong trường hợp này.

So với các thể loại khác, lực lượng sáng tác du ký nửa đầu thế kỷ XX không chỉ là những trí thức Hán học mà gồm nhiều thành phần: nhà báo, nhà văn, học sinh, du khách, quan chức chính quyền... Nhưng lực lượng chủ chốt vẫn là các nhà báo Hán học và Tây học. Họ là những người được đi nhiều nhất, có ý thức về các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc và khát vọng canh tân đất nước. Có thể nói du ký giai đoạn này đã được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các ngành nghề, báo chí và du lịch.

Giai đoạn nửa sau thế kỷ XX, có thể gọi là giai đoạn ngưng nghỉ của du ký. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cuộc hành trình mang tính cá nhân trong du ký không được quan tâm bằng cuộc hành trình lớn lao của

dân tộc. Những ngã đường du ký không còn bình an bởi chiến tranh. Dù trong nhiều bài bút ký, truyện ngắn, ký sự vẫn có hơi hướng của du ký với lối thuật chuyện, tả cảnh, bộc lộ cảm xúc trước cảnh vật (ví dụ các tác phẩm *Đường vô Nam*, *Trên những con đường Việt Bắc* của Nam Cao và một số tác phẩm khác), nhưng đứng về mặt thể loại, du ký giai đoạn này dường như đã vắng bóng, bởi nó chỉ mang yếu tố cá nhân và phương thức thể hiện cá nhân.

### 1.3. Thời kỳ đương đại

Sự trở lại của du ký Việt Nam bắt đầu từ thập niên 1990, thời điểm Việt Nam bắt đầu hội nhập quốc tế. Chỉ trong một thời gian ngắn (gần một thập kỷ), du ký Việt Nam đương đại đã có một sự phát triển mạnh mẽ trên nhiều phương diện: sưu tầm, sáng tác, dịch thuật và phê bình.

Công tác sưu tầm, dịch thuật đã làm sống lại du ký của quá khứ và khơi dậy dòng chảy của nó sau một thời gian dài ứ đọng và quên lãng. Sau bộ sách *Du ký Việt Nam (Nam Phong tạp chí 1917 - 1934)* do nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 2007, Nguyễn Hữu Sơn ra mắt bạn đọc cuốn *Phạm Quỳnh – Tuyển tập du ký* do Nhà xuất bản Tri thức ấn hành (9/2013). Và còn nhiều tuyển tập du ký Việt Nam trong quá khứ sẽ được ra mắt trong thời gian tới.

Không chỉ du ký Việt Nam mà du ký của các tác giả nước ngoài viết về Việt Nam cũng được sưu tầm, biên dịch. Nếu giai đoạn đầu thế kỷ XX, sách du ký nước ngoài đến với độc

giả thường chỉ là các đoạn trích được dịch đăng trên các tạp chí, thì lúc này, nhiều tác phẩm du ký của tác giả nước ngoài đã được dịch trọn bộ và in thành sách.

Có thể kể ra ở đây một số tác phẩm du ký của văn học Anh thế kỷ XIX đã được dịch, như: *Á châu huyền bí* của Dr. Blair T. Spalding, *Tây phương huyền bí* của Sir Bulwer Lytton...; và các tác phẩm du ký của người nước ngoài viết trong các cuộc hành trình đến Việt Nam, như *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài* của Jean Baptiste Tavernier, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* của John Barrow, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688* của William Dampier, *Chân Lạp phong thổ ký* của Chu Đạt Quan, *Những người châu Âu ở nước An Nam* của Charles B. Maybon... Nổi danh nhất trong năm 2013 là tác phẩm *Vespa du ký: từ Roma đến Sài Gòn* của Giorgio Bettinelli, được dư luận đánh giá là “cuốn sách du ký vĩ đại” (Đỗ Quang Tuấn Hoàng, 2013).

Năm 2009, *Tạp chí Bưu điện* (Telegraph Journal) của Canada tổ chức bình chọn 20 tác phẩm du ký hay nhất thế giới, thì trong số đó đã có 10 tác phẩm dịch và ấn bản ở Việt Nam: *The Road to Oxiana* (1937) của Robert Byron; *Homage to Catalonia* (1938) của George Orwell (một nửa là truyện, một nửa là du ký), *On the Road* (1957) của Jack Kerouac, *As I Walked Out One Midsummer Morning* (1969) của Laurie Lee; *Coasting* (1982) của Jonathan Raban; *A Walk in the*

*Woods: Rediscovering America on the Appalachian Trail* (1998) của Bill Bryson; *Travels with Charley: In Search of America* (1962) của John Steinbeck; *The Beach* (1996) của Alex Garland; *The Great Railway Bazaar* (1975) của Paul Theroux; *Eat, Pray, Love: One Woman's Search for Everything Across Italy, India and Indonesia* (2010) của Elizabeth Gilbert. Những cuốn du ký được người đọc Việt Nam ưa thích lúc này ở hai dạng: dạng thứ nhất là du ký trải nghiệm, ở đó những gì tác giả chứng kiến trên hành trình được tường thuật một cách giàu chất thơ; dạng thứ hai vừa là tự truyện, vừa là du ký và nhiều tác phẩm trong số đó đã được chuyển thành phim.

Từ sau khi bình thường hóa quan hệ với Mỹ (1995), các hoạt động giao lưu như thương mại, đầu tư, thư tín, thông tin, du lịch, di trú, văn hóa... với các nước trong khu vực và trên thế giới đã tạo điều kiện để trí thức Việt đi đến nhiều nơi trên thế giới vì vậy du ký cũng phát triển mạnh mẽ. Du ký đương đại đến với người đọc đầu tiên là những tác phẩm của các nhà báo mà Trần Bạch Đằng là một trường hợp tiêu biểu. Tác phẩm *Trần Bạch Đằng – Du ký* của Trần Bạch Đằng là một tuyển tập các bài viết ghi chép các chuyến xuất ngoại của tác giả từ năm 1977 đến năm 1999. Nhà báo – nhiếp ảnh gia Trung Nghĩa cũng đã ra mắt bạn đọc hai cuốn du ký của mình: *Bí mật ở Cannes* (2009) và *Sydney yêu thương* (2010).

Khao khát hiểu biết thế giới bên ngoài ngày càng tăng trong độc giả, cộng

với công nghệ in ấn phát triển đã khiến các tác phẩm du ký xuất hiện ngày càng nhiều trên các nhà sách, nhiều tác phẩm được tái bản nhiều lần. Một số tác phẩm du ký được bạn đọc chú ý: *Tôi là một con lừa* (5/2013) của Nguyễn Phương Mai; *Một mình ở châu Âu* (2/2013) của Phan Việt; *Xách ba lô lên và đi* (Tập 1: Châu Á là nhà. Đừng khóc (1012), Tập 2: Đừng chết ở châu Phi (2013) của Huyền Chip tức là Trần Thị Khánh Huyền; *Nước Ý, câu chuyện tình của tôi* (2012) của Trương Anh Ngọc... Nhiều tác giả du ký là những người Việt sống ở nước ngoài, viết để chia sẻ những trải nghiệm của mình về quê hương: *Một mình trên đường và Ngã ba đường* (2013) của nữ nhà văn Việt kiều Lê Tân Sitek, *Đảo Tường Vi* (2006) của An Ni Bảo Bối; *John đi tìm Hùng* (2013) của Trần Hùng John.

Điểm nổi bật của du ký đương đại Việt Nam là sự lên ngôi của những cây bút nữ. Đầu tiên là cuốn du ký của Ngô Thị Giáng Uyên (1981) có tên *Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương* (2006), mà tác giả đã tâm sự trong *Lời mở đầu* “là kỷ niệm thời du học Anh của tôi, với những cảm xúc của một người trẻ tuổi khi quan sát những nơi mình đặt chân đến”. Dương Thụy (1975), là cây bút nữ khá nổi tiếng trên văn đàn Việt Nam, từng được nhiều giải thưởng văn học. Trong những tác phẩm được tái bản nhiều lần của cô, có các tác phẩm du ký, như: *Venise và những cuộc tình Gondola* (2009), *Nhắm mắt thấy Paris* (2010). Ngoài ra còn có những cây bút

nữ khác như Hoàng Yến Anh có tác phẩm *Dưới nắng trời châu Âu* (2011). Bùi Mai Hương có tác phẩm *Hẹn hò với châu Âu* (2011)...

Sự lên ngôi của du ký cho thấy sự vận động mạnh mẽ của du ký Việt Nam, tiếp nối du ký giai đoạn trước, đồng thời sự vượt lên của những cây bút nữ trẻ, mang bản lĩnh thời đại, đi đến với văn chương bằng chính cuộc đời của mình, là điều mà du ký các giai đoạn trước đó không thể có được.

So với du ký Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, du ký đương đại hướng ngoại nhiều hơn hướng nội, hướng đến du lịch khám phá nhiều hơn hành trình trở về cội nguồn văn hóa, lịch sử dân tộc. Du ký cũng được sự tiếp sức của các nhà xuất bản và nhà sách nhiều hơn báo chí, hướng về tính hiện đại hơn là truyền thống hoài cổ và tiếp cận với văn học du ký nước ngoài nhanh và nhiều hơn so với kế thừa tài sản của du ký truyền thống. Những sự khác biệt này phản ánh sự vận động lên một bước mới của du ký Việt Nam.

## 2. KẾT LUẬN

Du ký Việt Nam là một bộ phận văn học dân tộc ra đời sớm trong nền văn học viết, luôn vận động và cách tân để hoàn thiện, có vị trí xứng đáng trong nền văn học dân tộc và là một bộ phận của văn học du ký thế giới. Tính không liên tục trong phát triển của du ký chịu sự tác động của những yếu tố lịch sử. Tuy nhiên du ký có thể nghỉ chân nhưng không từ bỏ hành trình, cũng không thể bị các thể loại khác thay thế, bởi chừng nào con người còn có khát vọng di chuyển, thay đổi không gian, thay đổi chính mình và tìm kiếm những điều mới lạ của thế giới thì du ký vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên, một khi phương tiện tối tân làm cho người ta di chuyển quá nhanh, người đi lại quá đông, lại chia thành nhiều hạng người hơn so với trước thì du ký có nguy cơ bị tước đoạt đi sự tinh túy hoặc bị hòa lẫn vào trong những cái dung tục, tầm thường của chủ nghĩa thực dụng và giải trí. Nghiên cứu du ký đương đại phải có trách nhiệm điều hướng cả trong sáng tác và phê bình để du ký không mất đi những vẻ đẹp nhân văn cao cả của nó. □

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Thế kỷ XVI đã xuất hiện tác phẩm *Thường Quốc Nam chinh ký* (Thường Quốc công chinh chiến phương Nam) của Nguyễn Quyện (1511 - 1593) mang yếu tố truyện, viết về cuộc mang quân đi đánh ở vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh.

<sup>(2)</sup> Đó là những tập thơ vịnh cảnh như: *Hà Tiên thập vịnh* của Mạc Thiên Tích (1706 - 1780), *Nam trình liên thi tập* của Ngô Thì Ước (1709 - 1736), *Nhị Thanh động phú* và *Tây Hồ phong cảnh phú* của Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780), *Tụng Tây Hồ phú* và *Ngự Đạo hành cung nhật trình* của Nguyễn Huy Lượng (1750 - 1808), Phan Thúc Trục (1808 - 1852) cũng có một mảng thơ viết về "sự du"...

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Kelley, Liam C. 1998. *Batavia Through the Eyes of Vietnamese Envoys*. Explorations

in *Southeast Asian Studies*, (A Journal of the Southeast Asian Studies Student Association), Tract 5, Vol 2, No1.

2. Lê Nguyễn. 2012. *Tây Hành nhật ký: tập sử liệu quý của người xưa*. Tuần báo Doanh nhân Sài Gòn, ngày 25/6/2005.

3. Nguyễn Hữu Lễ. 2014. *Một số vấn đề thi pháp thể loại của du ký*. Tạp chí Khoa học Đại học Huế.

4. Nguyễn Hữu Lễ. 2015. *Vấn đề thể tài trong du ký Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 5.

5. Nguyễn Thành. 1999. *Nguyễn Văn Vĩnh và Hương Sơn hành trình*. Báo Nhân Dân cuối tuần, số 35, ngày 29/8/1999.

6. Quang Uyển. 1997. *Phạm Phú Thứ – Cuộc đời, con người và sự nghiệp* (lời giới thiệu trong *Nhật ký đi Tây* của Phạm Phú Thứ). Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.

7. Strassberg, Richard E., *Inscribed Landscapes*. 1994. *Travel Writing From Imperial China*. Berkeley: University of California Press.